

HỆ THỐNG HOÁ, ĐÁNH GIÁ CÁC NGHIÊN CỨU VỀ DÂN TỘC VÀ CÔNG TÁC DÂN TỘC TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY*

Trần Trung⁽¹⁾

Hệ thống hoá, đánh giá các nghiên cứu về dân tộc và công tác dân tộc là một trong những nội dung nghiên cứu quan trọng, nhằm cung cấp luận cứ khoa học định hướng cho nhiệm vụ nghiên cứu lý luận và thực tiễn thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc trong các giai đoạn cách mạng. Bài viết khái quát những kết quả nghiên cứu của Đề tài khoa học cấp quốc gia “Hệ thống hoá, đánh giá các nghiên cứu về dân tộc và công tác dân tộc ở Việt Nam từ 1986 đến nay”, mã số CTDT.02.16/16-20, với các nội dung cụ thể là tổng hợp các kết quả nghiên cứu về dân tộc và công tác dân tộc ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay, đánh giá những kết quả của các công trình nghiên cứu đã có, từ đó phát hiện khoảng trống trong nghiên cứu để đề xuất những vấn đề cơ bản, cấp bách về dân tộc và công tác dân tộc cần được quan tâm nghiên cứu, triển khai trong giai đoạn tới, đồng thời đề xuất định hướng và các giải pháp thực hiện công tác dân tộc giai đoạn 2018- 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

Từ khóa: Hệ thống hoá, đánh giá; Các nghiên cứu về dân tộc; Công tác dân tộc; Khoảng trống trong nghiên cứu; Các giải pháp thực hiện công tác dân tộc.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm, lãnh, chỉ đạo thực hiện công tác dân tộc, đề ra nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi. Hoạt động quản lý nhà nước về công tác dân tộc có nhiều chuyển biến tích cực, mô hình và hệ thống quản lý nhà nước về công tác dân tộc cũng từng bước được hoàn thiện, nội dung và phương thức công tác dân tộc có nhiều đổi mới; công tác tuyên truyền vận động quần chúng, nội dung và phương pháp dân vận ở vùng dân tộc thiểu số cũng có nhiều khởi sắc; chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, hệ thống chính trị cơ sở và việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở vùng dân tộc thiểu số từng bước được nâng cao; công tác hợp tác quốc tế về công tác dân tộc ngày càng được quan tâm. Nhờ đó, vùng dân tộc thiểu số và đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số có nhiều chuyển biến tích cực. Hệ thống kết cấu hạ tầng được cải thiện; cơ cấu kinh tế chuyên dịch theo hướng sản xuất hàng hóa; tỷ lệ hộ nghèo giảm dần, dịch vụ giáo dục, y tế được mở rộng, an ninh - quốc phòng vùng biên được đảm bảo...

Tuy nhiên, việc thực hiện công tác dân tộc còn nhiều bất cập. Những tồn tại, hạn chế trong công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương đã và đang ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình tổ chức thực hiện công tác dân tộc và đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số.

Cùng với quá trình thực hiện công tác dân tộc, nhiều nhà quản lý, nhà khoa học đã quan tâm nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về dân tộc và công tác dân tộc. Các công trình nghiên cứu đã tiếp cận dưới nhiều góc độ khác

n nhau và đạt được những kết quả quan trọng trong nghiên cứu. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, các công trình nghiên cứu cũng không tránh khỏi những tồn tại, hạn chế cả về nội dung, phương pháp và mức độ tác động đến hoạt động quản lý nhà nước về công tác dân tộc và đời sống đồng bào DTTS.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã có các chủ trương, chính sách rất đúng đắn và kịp thời nghiên cứu về vấn đề dân tộc làm cơ sở cho hoạch định và thực hiện các chính sách đối với các dân tộc thiểu số và công tác dân tộc. Đặc biệt, thành tựu về công tác dân tộc và phát triển dân tộc thiểu số ở nước ra trong 30 năm đổi mới đất nước đã được ghi nhận với nhiều nỗ lực lớn của hệ thống chính trị, các cấp, các ngành và đồng bào các dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, đối với những vấn đề dân tộc và việc triển khai thực hiện các chính sách dân tộc cũng đang còn nhiều vấn đề đặt ra, nhất là xác định trọng tâm của chính sách và công tác dân tộc đối với các dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập; các vấn đề về tộc người và công tác dân tộc đang đặt ra nhiều thách thức mới rất cần những nghiên cứu mang tính hệ thống, đánh giá, tổng kết về lý luận và thực tiễn. Đặc biệt, nhu cầu này càng trở nên có ý nghĩa khi đặt trong bối cảnh Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 10 tháng 09 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao năng lực hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

Để góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác dân tộc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, cần phải thực hiện một nghiên cứu mang tính hệ thống, đánh giá cả lý luận và thực tiễn các nghiên cứu về dân tộc và công

tác dân tộc ở Việt Nam từ 1986 đến nay.

2. HỆ THỐNG HÓA, ĐÁNH GIÁ CÁC NGHIÊN CỨU VỀ DÂN TỘC VÀ CÔNG TÁC DÂN TỘC TỪ 1986 ĐẾN NAY

Các nghiên cứu về dân tộc và công tác dân tộc từ năm 1986 đến nay rất đa dạng về loại hình và rất nhiều về số lượng. Trong nghiên cứu này, chúng tôi chủ yếu tập trung hệ thống hóa, đánh giá các nghiên cứu về dân tộc và công tác dân tộc, từ năm 1986 đến nay dựa vào ba loại hình tài liệu: 1. Các công trình sách chuyên khảo; 2. Các báo cáo kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án, đề án, chương trình nghiên cứu cấp nhà nước, cấp bộ; 3. Các luận án tiến sĩ nghiên cứu về công tác dân tộc từ 1986 đến nay. Các bài tạp chí khoa học là những nghiên cứu đáng chú ý, nhưng phần nhiều lại là các bài công bố các nghiên cứu về dân tộc và công tác dân tộc từ các đề tài, dự án cấp Bộ, cấp Nhà nước, hơn nữa số lượng quá nhiều, nên chúng tôi chỉ lựa chọn những bài viết tiêu biểu.

Đồng thời, tiến hành hệ thống hóa, đánh giá các nghiên cứu về dân tộc và công tác dân tộc, theo các nội dung: (i) Hệ thống các công trình nghiên cứu theo các vấn đề từ 1986 đến nay; (ii) Đánh giá mức độ thành công/đóng góp của công trình cả về mặt lý luận và cơ sở khoa học nhằm áp dụng trong thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, văn hoá, đời sống chính trị,... của tộc người và vùng dân tộc thiểu số; (iii) Xác định những khoảng trống/vấn đề đặt ra trong nghiên cứu về tộc người và công tác dân tộc trên các lĩnh vực; (iv) Chất lọc những đề xuất, đóng góp từ các công trình nghiên cứu đã có, xây dựng luận cứ khoa học cho việc hoạch định chính sách dân tộc giai đoạn 2017- 2020 và tầm nhìn 2030.

Kết quả thu thập các nghiên cứu về dân tộc: Kinh tế, môi trường tộc người có 57 công trình; văn hóa dân tộc thiểu số có 677 công trình; văn hóa tộc người (từng tộc người) có 1.374 công trình; xã hội tộc người có 275 công trình; tôn giáo, tín ngưỡng tộc người có 133 công trình.

Kết quả thu thập các nghiên cứu về công tác dân tộc: Quản lý nhà nước về công tác dân tộc có 170 công trình; công tác dân vận ở vùng dân tộc thiểu số có 51 công trình; xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số có 50 công trình; hợp tác quốc tế về công tác dân tộc có 34 công trình. Qua số liệu trên, thể hiện rõ các nghiên cứu về mô hình và hệ thống quản lý nhà nước về công tác dân tộc tuy chưa thật nhiều như các nghiên cứu về xã hội tộc người, nhưng nổi trội hơn hẳn so với các nghiên cứu về lĩnh vực hợp tác quốc tế, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số và công tác tuyên truyền vận động về công tác dân tộc vùng dân tộc thiểu số.

2.1. Hệ thống hoá, đánh giá các nghiên cứu về dân tộc và công tác dân tộc từ năm 1986 đến nay theo từng lĩnh vực cụ thể

2.1.1. Hệ thống hoá, đánh giá các nghiên cứu về kinh tế và môi trường tộc người

Từ hệ thống hóa hơn 2.000 tài liệu nghiên cứu về tộc người, kết quả hệ thống hóa, tập hợp các nghiên cứu về kinh tế, môi trường tộc người từ năm 1986 đến nay có 57 công trình. Trong đó có: 22 nghiên cứu sinh kế tộc người, 6 nghiên cứu tri thức tộc người, 15 nghiên cứu về đất đai, lao động, việc làm, chuyển đổi nghề nghiệp, 3 nghiên cứu về chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển hạ tầng cơ sở và 11 nghiên cứu về đói nghèo, thu nhập và mức sống:

a. Các nghiên cứu sinh kế tộc người đã làm sáng tỏ bức tranh sinh kế của 53 tộc người thiểu số, đặc biệt, tập trung làm rõ hai nội dung then chốt là đặc điểm các hoạt động sinh kế truyền thống và thực trạng biến đổi từ sau đổi mới. Trong đó, sinh kế truyền thống, các hoạt động sinh kế sản xuất, trồng trọt luôn giữ vai trò là hoạt động chủ đạo, các hoạt động còn lại chỉ có vai trò phụ trợ, bổ trợ.

b. Các nghiên cứu về đất đai, lao động và việc làm, nghề nghiệp. Đây là vấn đề/ khía cạnh mới của kinh tế tộc người, nhất là vấn đề đất đai, xuất hiện trong đổi mới nhưng bức xúc, nổi cộm, thu hút giới nghiên cứu nên số lượng nghiên cứu thu thập được nhiều hơn nghiên cứu tri thức địa phương. Theo thống kê có 15/57 nghiên cứu, chiếm trên 25% tổng số nghiên cứu. Các nghiên cứu đã làm sáng tỏ những mâu thuẫn mới nảy sinh nhưng ngày càng nóng bỏng trong quản lý và sử dụng đất rừng ở vùng dân tộc và miền núi dưới tác động của kinh tế thị trường và đổi mới. Điểm cốt lõi để giải quyết vấn đề đất đai ở vùng dân tộc, miền núi là chính sách dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc trong việc khẳng định quyền của người dân trên mảnh đất họ đang sinh sống, thực hiện dân cây có ruộng, nông dân có đất sản xuất¹.

c. Các nghiên cứu về chuyển đổi cơ cấu kinh tế và phát triển hạ tầng cơ sở. Có 3/57 nghiên cứu, chiếm 5 % tổng số nghiên cứu. Do kết quả của thực hiện chính sách dân tộc nói riêng và do phát triển kinh tế xã hội nói chung, kết cấu hạ tầng công cộng ở các dân tộc thiểu số từng bước được xây dựng, đến thời điểm nghiên cứu đã đạt thành tựu to lớn hơn tất cả các thời kỳ trước cộng lại, thể hiện ở kết quả định tính là phần lớn các xã, các thôn làng đều có cơ sở vật chất hạ tầng kiên cố hoặc bán kiên cố như điện, đường giao thông, trạm y tế, trường học, chợ, nhà văn hóa, sân thể thao, nhiều nơi đã có công trình thủy lợi kiên cố. Tuy nhiên, hạ tầng cơ sở còn thấp kém so với người Kinh và so với cả nước ở các thôn làng vùng sâu, vùng xa.

d. Các nghiên cứu về nghèo, thu nhập, mức sống, có 11/57 nghiên cứu trực tiếp về đói nghèo, thu nhập, mức sống, chiếm 20% tổng số nghiên cứu. Thu nhập, mức sống, do kết quả phát triển kinh tế của các dân tộc thiểu số từ sau năm 1986 ngày càng

¹ Vũ Đình Lợi, Bùi Minh Đạo, Vũ Thị Hồng, 2000, Bùi Minh Đạo 2003

được nâng lên, thể hiện ở nguồn thu đa dạng, phong phú hơn và cao hơn so với trước năm 1986, đặc biệt chú ý là nguồn thu từ nông sản hàng hóa mới xuất hiện như cây ăn quả ở một số dân tộc, một số vùng miền núi phía Bắc và cây công nghiệp ở một số dân tộc, một số vùng Tây Nguyên².

Các nghiên cứu đã đề xuất giải pháp, kiến nghị giảm nghèo gồm: Xây dựng con người mới có đủ khả năng thực hiện xoá đói giảm nghèo hiệu quả; nâng cao năng lực xoá đói giảm nghèo cho cán bộ và người dân địa phương; chú trọng phát huy nguồn lực con người trong xoá đói giảm nghèo; tạo điều kiện để các dân tộc học hỏi lẫn nhau trong quá trình xoá đói giảm nghèo.

đ. Các nghiên cứu về môi trường tộc người. Ngày càng có nhiều nhà dân tộc học quan tâm nghiên cứu đến vấn đề môi trường. Những vấn đề được quan tâm bao gồm quản lý, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, hưởng dụng đất và tri thức địa phương trong việc bảo tồn đa dạng sinh học. Nhìn chung các nghiên cứu vẫn ở cấp cộng đồng tộc người và phương pháp mô tả dân tộc học vẫn là công cụ chủ yếu. Điểm chung của các nghiên cứu này là được đặt trong bối cảnh ngày càng có nhiều thách thức từ phía môi trường cho việc phát triển bền vững và do đó, địa bàn nghiên cứu được mở rộng từ vùng miền núi xuống cả đồng bằng, khu vực đô thị.

2.1.2. Hệ thống hoá, đánh giá các nghiên cứu về văn hóa tộc người

Các công trình nghiên cứu về văn hóa tộc người khá phong phú. Theo số liệu thống kê sơ bộ ở một số thư viện của các viện nghiên cứu, sơ bộ các công trình nghiên cứu về văn hóa, có thể phân loại thành 8 loại hình công trình chủ yếu như sau: Nhà ở (38 công trình); trang phục (42 công trình); tang ma (44); nghi lễ, phong tục tập quán (246); lễ hội (62); âm thực (65); nghệ thuật (224).

Một số công trình đã tập trung giới thiệu, phân tích những vấn đề lý luận trong nghiên cứu văn hóa. Một số công trình đã đi sâu đề cập đến cơ sở lý luận trong nghiên cứu về văn hóa, vai trò của văn hóa trong phát triển, khẳng định, bản sắc văn hóa thường là bất biến trong quá trình phát triển của lịch sử. Nhưng cái bất biến ấy lại có những thay đổi trong các môi trường sống, tiếp xúc văn hóa hay do tác động của các yếu tố bên ngoài. Do vậy, bảo vệ văn hóa nhằm mục đích phát triển đất nước luôn đặt ra những nhiệm vụ cấp bách của nhà nước³.

Vẫn còn tới hơn 20 dân tộc chưa có công trình nghiên cứu riêng biệt nào về văn hóa vật chất như âm thực, trang phục và nhà ở.

Các nghiên cứu đã đề xuất giải pháp: Cần phát triển mạnh mẽ giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số, chú trọng giáo dục ý thức quốc gia dân tộc và bảo vệ văn hóa truyền thống của tộc người. Xây dựng

chương trình điều tra, đánh giá những giá trị văn hóa tộc người ở vùng dân tộc thiểu số và việc bảo tồn, phát huy các giá trị ấy, trong đó lưu ý xây dựng các trung tâm văn hóa từ cấp vùng đến cấp làng bản, bằng cách lồng ghép với việc xây dựng nhà văn hóa, khu thể thao. Chú trọng phát triển văn hóa mang yếu tố hiện đại với việc bảo tồn những giá trị cốt lõi của văn hóa tộc người⁴.

2.1.3. Hệ thống hoá, đánh giá các nghiên cứu về xã hội tộc người

Trong hệ thống hóa các nghiên cứu về xã hội tộc người có hơn 300 công trình nghiên cứu, trong đó các nghiên cứu về văn đề của tộc người như giáo dục, kinh tế, sức khỏe, di dân... nhiều hơn hẳn so với các nghiên cứu về thiết chế xã hội truyền thống của tộc người. Trong đó, 63 công trình nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực thiết chế xã hội truyền thống, có 2 công trình về làng bản, 11 công trình nghiên cứu về dòng họ, 5 công trình nghiên cứu về gia đình và 30 công trình nghiên cứu chung về dòng họ, gia đình; 15 công trình nghiên cứu chung về thiết chế xã hội truyền thống nói chung.

Tăng cường khối đại đoàn kết trong một quốc gia đa tộc người, củng cố tính thống nhất của quốc gia dân tộc luôn luôn là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài; cũng là vấn đề có tính cấp bách và nguyên tắc trong chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam.

2.1.4. Hệ thống hoá, đánh giá các nghiên cứu về tôn giáo, tín ngưỡng tộc người

Hệ thống hoá các nghiên cứu về vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo tộc người ở Việt Nam từ 1986 đến nay có 133 công trình, gồm 2 lĩnh vực:

- Các nghiên cứu cơ bản về tôn giáo, tín ngưỡng nói chung ở Việt Nam, trong đó đề cập đến tình hình tôn giáo, tín ngưỡng ở vùng DTTS (dạng đề cập khái quát) của các nhà khoa học, các học giả Việt Nam như: Đặng Nghiêm Vạn, Ngô Đức Thịnh, Trần Quốc Vương, Nguyễn Khắc Viện, Trần Ngọc Thêm, Nguyễn Văn Nam, Khổng Diễn, Lê Hữu Nghĩa, Đỗ Quang Hưng, Nguyễn Đức Cử, Nguyễn Đăng Duy, Nguyễn Hồng Dương, Nguyễn Quốc Tuấn, Nguyễn Xuân Hùng... Đây là những tác phẩm, những công trình nghiên cứu cơ bản về tôn giáo, tín ngưỡng nói chung, tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam nói riêng - với những vấn đề về lý thuyết, lý luận, những vấn đề về thực tiễn hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở nước ta từ khi tôn giáo xuất hiện (hàng ngàn năm trước với đạo Phật, hàng trăm năm trước với đạo Thiên chúa và các đạo khác và mấy chục năm thời kỳ Đổi mới đến nay với các đạo mới, đạo lý khác).

- Các công trình nghiên cứu về thực trạng tôn giáo, tín ngưỡng vùng dân tộc thiểu số: Đây là phần nghiên cứu cụ thể về tình hình tôn giáo, tín ngưỡng ở vùng có đông đảo các dân tộc thiểu số sinh sống

² Bùi Minh Đạo, 2000 và 2003

³ Phan Ngọc, 2006

⁴ Rơ Chăm Oanh, 2002; Hoàng Lương, 2002; Khổng Diễn, 2002, 2008; Vương Xuân Tinh, 2009, 2012; Phạm Quang Hoan, 2014.

của nước ta trong khoảng trên 30 năm kể từ khi Đổi mới đến nay – của các nhà nghiên cứu, các nhà khoa học. Dưới các góc độ khác nhau: Tâm lý học, tôn giáo học, dân tộc học, văn hóa học... các nhà nghiên cứu đã có hàng trăm công trình, bài viết lớn nhỏ bàn luận, nghiên cứu, phân tích về thực trạng đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của đồng bào các dân tộc thiểu số trên khắp nước ta, đặc biệt là các vùng Đông Bắc, Tây Bắc, Trung Tây Nguyên và Tây Nam Bộ.

Các nghiên cứu cũng đã đề xuất và kiến nghị đối với Đảng, Nhà nước, với các cấp chính quyền ở địa phương và trực tiếp là đối với những cơ quan, những cán bộ làm công tác tôn giáo, tín ngưỡng về việc: Làm sao có thể thực hiện được tốt hơn, hiệu quả hơn công tác tôn giáo, tín ngưỡng ở từng địa phương cũng như trong cả nước; làm sao có thể vẫn tạo mọi điều kiện cho nhân dân các dân tộc được tự do tín ngưỡng, nhưng vẫn giữ gìn được bản sắc văn hóa tộc người, không làm mất đi những phong tục tập quán mang đậm chất nhân văn, chất dân tộc của mình? Đây là một vấn đề, một bài toán khó, tuy rất có nhiều lời giải, có nhiều phương án được đề xuất từ phía các nhà nghiên cứu, các nhà khoa học, nhưng vẫn còn phải bàn tiếp, nghiên cứu tiếp để có thể có được những giải pháp khoa học nhất, phù hợp nhất và hiệu quả nhất, nhằm góp phần giải quyết các vấn đề cơ bản và cấp bách về tôn giáo tín ngưỡng tộc người ở nước ta thời kỳ hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hôm nay.

2.1.5. Hệ thống hoá, đánh giá các nghiên cứu về mô hình và quản lý nhà nước trong công tác dân tộc

Trong các công trình được hệ thống hóa đã nghiên cứu về công tác dân tộc, có 170 công trình nghiên cứu về mô hình, chức năng, nhiệm vụ công tác dân tộc từ năm 1986 đến nay.

Các công trình đã nghiên cứu làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn về nội dung và phương thức công tác dân tộc, đi sâu vào nghiên cứu một số nội dung, phương thức chủ yếu như: Xây dựng, hoạch định chủ trương, chính sách dân tộc; tổ chức thực hiện các chương trình, dự án đầu tư phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc thiểu số, xây dựng cơ sở hạ tầng, xóa đói giảm nghèo, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa tộc người, giữ vững ổn định chính trị, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường chính sách dân tộc; nghiên cứu xác định tộc danh, tộc người; nghiên cứu và tổ chức thực hiện có hiệu quả một số chính sách đặc thù đối với một số tộc người, nhất là với các dân tộc rất ít người...

2.1.6. Hệ thống hoá, đánh giá các nghiên cứu về hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số

Các công trình nghiên cứu tập trung vào phân tích cấu trúc, đặc điểm, vị trí, vai trò và các nhân tố tác động của hệ thống chính trị, hệ thống chính trị Việt Nam, đặc biệt là hệ thống chính trị cơ sở Việt Nam. Thông qua việc sử dụng các luận cứ khoa học

vào quá trình khảo sát, nghiên cứu thực tiễn, các nghiên cứu đã phân tích thực trạng chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam nói chung và hệ thống chính trị cơ sở nói riêng. Các công trình nghiên cứu về quan điểm và nguyên tắc đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta đã tập trung phân tích và đánh giá mối tương quan giữa cải cách kinh tế với đổi mới chính trị Việt Nam. Xây dựng được hệ thống các quan điểm và nguyên tắc đổi mới chính trị ở nước ta. Hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung về hệ thống chính trị ở cơ sở, hệ thống chính trị cơ sở ở khu vực biên giới và vai trò của hệ thống chính trị cơ sở với việc giữ vững chủ quyền biên giới lãnh thổ.

2.1.7. Hệ thống hoá, đánh giá các nghiên cứu về tuyên truyền, vận động công tác dân tộc

Các công trình đã đề cập và luận chứng nhiều vấn đề mới, có bước phát triển quan trọng cả về lý luận và thực tiễn về công tác dân vận của Đảng trong thời kỳ mới: Bổ sung và phát triển một số vấn đề lý luận về công tác tuyên truyền và đổi mới công tác tuyên truyền của Đảng trong điều kiện hội nhập quốc tế ở Việt Nam từ góc độ chính trị học. Làm rõ những yêu cầu của hội nhập quốc tế đối với công tác tuyên truyền của Đảng ở Việt Nam: Đề xuất một số quan điểm và giải pháp nhằm đổi mới công tác tuyên truyền của Đảng đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay và những năm tới.

2.1.8. Hệ thống hóa, đánh giá các nghiên cứu về hợp tác quốc tế trong công tác dân tộc

Các công trình nghiên cứu đánh giá toàn diện về công tác hợp tác quốc tế với các nước láng giềng trong đó có hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công tác dân tộc. Các nghiên cứu đã làm rõ đường lối, chính sách quan hệ hợp tác với các nước láng giềng, đánh giá những thành tựu và những tồn tại trong công tác này, làm rõ nguyên nhân và đề xuất các giải pháp tăng cường hợp tác với các quốc gia. Đặc biệt, các công trình đã nghiên cứu làm rõ cơ sở khoa học để tăng cường hợp tác giữa các quốc gia trong giải quyết vấn đề dân tộc, công tác dân tộc như phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng các vùng dân tộc thiểu số sát biên giới các nước, tăng cường trao đổi kinh nghiệm giữa các nước để triển khai hiệu quả công tác dân tộc.

Các công trình đã nghiên cứu mối quan hệ hợp tác trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội trong đó có đề cập đến hợp tác giải quyết vấn đề về công tác dân tộc và tăng cường quan hệ giữa các dân tộc, các điều kiện hợp tác quốc tế giữa các quốc gia trong khu vực.

2.2. Khoảng trống trong nghiên cứu về dân tộc và công tác dân tộc từ 1986 đến nay

2.2.1. Khoảng trống trong nghiên cứu về dân tộc từ 1986 đến nay

Các công trình nghiên cứu về tộc người từ 1986

đến nay khá đa dạng, tập trung chủ yếu ở các cơ quan nghiên cứu và đào tạo ở Trung ương. Nhiều công trình đã được công bố dưới dạng sách chuyên khảo và các bài tạp chí trên các tạp chí chuyên ngành, nhưng nhiều công trình nghiên cứu của tập thể các nhà khoa học thông qua đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước để giải quyết vấn đề lớn về tộc người đang đặt ra lại vẫn ở dạng báo cáo kết quả nghiên cứu và chưa được công bố. Các lĩnh vực nghiên cứu được đề cập rất đa dạng dưới nhiều góc độ như đặc trưng văn hóa, xã hội và những vấn đề đang đặt ra trong phát triển bền vững. Hầu hết các công trình nghiên cứu đã đưa ra được những đánh giá thực trạng và đề xuất các kiến nghị, giải pháp trong quá trình hoạch định chính sách về phát triển vùng dân tộc và miền núi nhưng mới mang tính mô tả, ít có nghiên cứu phân tích và có kiến nghị cụ thể để đi vào thực tiễn cho vùng dân tộc thiểu số.

Các nghiên cứu về lĩnh vực kinh tế tộc người tập trung chủ yếu về các hoạt động kinh tế hộ gia đình, xóa đói giảm nghèo, quản lý và sử dụng đất đai, di cư và tái định cư, sinh kế. Các nghiên cứu này hầu như đã đánh giá một cách khách quan những vấn đề đang đặt ra trong xóa đói giảm nghèo, sinh kế bền vững hay những yếu tố tác động đến phát triển kinh tế hộ gia đình ở các tộc người thiểu số. Tuy nhiên, những bài học hay kinh nghiệm thực tế rút ra từ các mô hình phát triển kinh tế chưa nhiều và chưa tập trung đưa ra được các giải pháp phát triển bền vững về kinh tế ở các tộc người.

Các nghiên cứu về lĩnh vực văn hóa tộc người khá đa dạng, đề cập đến nhiều thành tố trong văn hóa của các tộc người thiểu số từ văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần đến các di sản văn hóa gắn với phát triển bền vững. Hầu hết các nghiên cứu về văn hóa đã mô tả khá chi tiết các giá trị và bản sắc văn hóa của các tộc người và là nguồn tư liệu rất có giá trị, là cơ sở khoa học trong việc bảo tồn văn hóa cho các tộc người thiểu số. Tuy nhiên, dưới góc độ lý luận văn hóa tộc người gắn với phát triển bền vững thì còn thiếu vắng, đặc biệt là những nghiên cứu về xu hướng biến đổi văn hóa, định hướng quản lý văn hóa trong bối cảnh hội nhập và phát triển hiện nay.

Các nghiên cứu về lĩnh vực xã hội tộc người từ đời mới đến nay tập trung nhiều ở một số vấn đề nổi cộm như xác định thành phần tộc người; quản hệ tộc người, hệ thống chính trị vùng dân tộc thiểu số, quản lý xã hội tộc người và những vấn đề xã hội khác như di cư, giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu dưới góc độ dân tộc học dường như còn ít quan tâm đến các vấn đề phát triển như y tế, giáo dục, quản lý xã hội trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập...

Các nghiên cứu về lĩnh vực tôn giáo, tín ngưỡng tộc người từ 1986 đến nay tập trung phân tích các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng theo cộng đồng và một số dân tộc cụ thể. Tuy nhiên còn những khoảng trống trong nghiên cứu như sự chuyển đổi đức tin

tôn giáo của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số, từ tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống sang các tôn giáo, như Công giáo, Phật giáo, nhất là đạo Tin lành. Tình trạng này chủ yếu diễn ra ở các tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Nam Trung Bộ, nơi đời sống kinh tế, xã hội còn nhiều khó khăn. Sự biến đổi thiết chế văn hóa, xã hội truyền thống trong mối quan hệ với vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng của đồng bào dân tộc thiểu số vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ.

Các nghiên cứu cơ bản về tộc người từ 1986 đến nay đã cung cấp một số lượng đồ sộ với những phạm vi khá bao quát về các tộc người thiểu số ở Việt Nam. Tuy nhiên, các nghiên cứu về tộc người chưa gắn với các định hướng chính sách, đặc biệt là những định hướng chính sách cụ thể cho từng dân tộc, từng vùng và định hướng chiến lược quốc gia về phát triển dân tộc thiểu số vẫn còn thiếu vắng. Một số vấn đề cơ bản về tộc người vẫn chưa có những nghiên cứu mang tầm lý luận cơ bản làm căn cứ khoa học cho việc hoạch định chính sách dân tộc như xác định thành phần dân tộc và danh mục thành phần các dân tộc thiểu số ở Việt Nam; xây dựng mối quan hệ đoàn kết và phát triển giữa các dân tộc trong bối cảnh hiện nay.

2.2.2. Khoảng trống trong nghiên cứu về công tác dân tộc từ 1986 đến nay

Các nghiên cứu về mô hình quản lý nhà nước đối với công tác dân tộc đều thống nhất khẳng định là cần phải có những nghiên cứu về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của quản lý nhà nước về công tác dân tộc trong điều kiện mới. Công tác dân tộc cùng chính sách dân tộc được triển khai nhưng lõi nghèo vẫn là vùng dân tộc thiểu số và sự chênh lệch giàu nghèo của tộc người còn cách xa nhau. Tỷ lệ người cán bộ dân tộc thiểu số trong các cơ quan, bộ ngành còn ít. Nghiên cứu về tiếp cận nhân học trong công tác dân tộc chưa được coi trọng để triển khai bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công tác tại vùng dân tộc thiểu số.

Các công trình chưa nghiên cứu toàn diện cơ sở khoa học cho việc đề xuất hệ thống giải pháp, chính sách tổng thể để xây dựng mô hình, hệ thống quản lý nhà nước về công tác dân tộc, giải quyết các vấn đề dân tộc nảy sinh trong quá trình hội nhập quốc tế. Các công trình khoa học chủ yếu nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể, đơn lẻ nên hệ thống giải pháp được đề xuất cũng chỉ nhằm giải quyết những vấn đề trước mắt, cụ thể, ở từng vùng, từng địa phương, từng dân tộc, nhóm dân tộc. Thực tế cho thấy, việc thực hiện các chính sách và giải pháp mang tính tình huống, tức thời thiếu hệ thống, không đồng bộ sẽ không mang lại hiệu quả cao ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đặc biệt, hầu hết các công trình được thực hiện trong thời gian ngắn, việc đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp thực hiện chưa có quá trình thử nghiệm, chưa có sự đầu tư xây dựng và nhân rộng mô hình

nên khó đánh giá, kiểm nghiệm kết quả nghiên cứu.

Các nghiên cứu về công tác dân vận vùng dân tộc thiểu số đã đề cập đến cách tiếp cận và phương thức truyền tải thông tin đến từng nhóm dân tộc thiểu số, tuy nhiên chưa đưa ra tiêu chí đánh giá cũng như đề xuất cách tuyên truyền – truyền thông có hiệu quả cùng sự tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ (4.0) đến quá trình xây dựng lực lượng nòng cốt làm công tác dân vận tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay. Thiểu những nghiên cứu dự báo được những đặc điểm, tình hình trong nước và quốc tế cũng như những thuận lợi, khó khăn của tình hình mới ở trong và ngoài nước tác động tới công tác dân vận ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Nghiên cứu về hợp tác quốc tế lĩnh vực công tác dân tộc: Đến nay chưa có công trình nghiên cứu toàn diện, hệ thống, sâu sắc về công tác hợp tác quốc tế trong công tác dân tộc. Còn nhiều nội dung trong lĩnh vực hợp tác quốc tế về công tác dân tộc chưa được nghiên cứu làm rõ. Nghiên cứu về quan hệ dân tộc, quan hệ hợp tác giữa các cộng đồng dân tộc - tôn giáo đã được đề cập nhưng chưa được đi sâu; còn ít nghiên cứu quan tâm đến mối quan hệ giữa chính sách hợp tác quốc tế với các quan hệ dân tộc, quan hệ hợp tác trên lĩnh vực công tác dân tộc; đặc biệt, chưa có các công trình khoa học đi sâu nghiên cứu các hình thức, nội dung hợp tác quốc tế có tính đặc thù trên lĩnh vực công tác dân tộc.

3. MỘT SỐ GỢI Ý NGHIÊN CỨU VỀ DÂN TỘC VÀ CÔNG TÁC DÂN TỘC TRONG GIAI ĐOẠN 2020-2025, TẦM NHÌN 2030

3.1. Bối cảnh vấn đề dân tộc và công tác dân tộc của Việt Nam trong tình hình mới

Ý thức rõ vấn đề dân tộc trong sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước, trong gần ba thập niên qua, đặc biệt từ khi có Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị (1989), công tác dân tộc đã được coi trọng và đổi mới, đầu tư cho phát triển các dân tộc được tăng cường. Nhờ đó, vùng dân tộc thiểu số và đời sống các dân tộc có nhiều chuyển biến, nhất là cải thiện hệ thống kết cấu hạ tầng (điện, đường, trường, trạm, viễn thông, điện thắp sáng...). Tuy nhiên, do các rào cản của điều kiện tự nhiên, di sản lịch sử tộc người, cũng như thiếu khả năng đột phá của lý luận quản trị và phát triển dân tộc - tộc người trong thời kỳ mới, cho nên trong quá trình đổi mới đã và đang xuất hiện những mâu thuẫn, tình huống và nghịch lý cần được nhận diện và tìm giải pháp can thiệp:

- Bối cảnh quốc tế và khu vực đang diễn ra nhiều chuyển biến phức tạp. Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung năm 2018 sẽ dẫn đến những ảnh hưởng kinh tế toàn cầu sâu sắc, đặc biệt là Việt Nam, quốc gia láng giềng của Trung Quốc và trong chiến lược biên của các quốc gia; khu vực thương mại tự do ASEAN hình thành với các hàng rào thuế quan được gỡ bỏ tạo nên sự cạnh tranh gay gắt trong thương mại sản

phẩm, hàng hóa và hoạt động doanh nghiệp, việc làm của người dân trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0...

- Nguy cơ mất an ninh trật tự, bạo loạn lật đổ ở những vùng dân tộc khó kiểm soát do nhận thức về mối quan hệ mật thiết giữa vấn đề dân tộc, mối quan hệ dân tộc với vấn đề an ninh chính trị và trật tự xã hội của một bộ phận đông đảo dân tộc thiểu số, chính quyền cơ sở ở một số địa phương chưa đúng đắn: Nếu không có nhận thức và quan điểm đúng đắn về tính đặc thù, nhạy cảm, phức tạp của vấn đề dân tộc thiểu số, chính sách dân tộc trên thế giới, khu vực Đông Nam Á và trong mối quan hệ dân tộc – tộc người trong quá trình vận động của cách mạng, thời kỳ phát triển đất nước ta thì nguy cơ mất an ninh trật tự, bạo loạn lật đổ ở những vùng dân tộc sẽ xảy ra khó kiểm soát.

- Khoảng cách giàu nghèo ngày càng bị đẩy ra xa hơn giữa các dân tộc - tộc người, trong nội bộ tộc người và giữa các vùng: Sự phân hóa mức sống đang diễn ra rất mạnh mẽ giữa các tộc người, giữa các nhóm dân cư, giữa các vùng tộc người. Có một nghịch lý là: Nhà nước càng đầu tư mạnh mẽ vào phát triển cho vùng dân tộc thiểu số, dù phúc lợi cho các dân tộc đã được cải thiện, nhưng chênh lệch mức sống và chất lượng sống giữa các dân tộc tiếp tục xa cách thêm, đặc biệt là giữa nhóm các dân tộc thiểu số so với nhóm đa số. Một bộ phận số hộ không nhỏ trong nhiều vùng nông thôn dân tộc thiểu số không có (hoặc thiếu) đất sản xuất đi liền với không có (hoặc thiếu) việc làm ổn định rất dễ bị bần cùng hoá. Trọng điểm là Tây Nguyên, Tây Bắc và một số tỉnh Tây Nam bộ, Tây duyên hải miền Trung.

- Môi trường sống với tư cách là không gian sinh tồn của các tộc người đang bị đe dọa nghiêm trọng. Tình trạng cạn kiệt rừng đầu nguồn đã gây nên các thiên tai như: Lũ quét, lũ ống, sạt lở đất... làm cho một bộ phận dân cư không có điều kiện canh tác và sinh sống. Nhiều nơi thiếu nước sạch cho ăn uống và sinh hoạt. Điều đó tạo lực đẩy di dân đến vùng khác, tạo nên các khoảng trống dân cư trên tuyến biên giới, đe dọa đến bảo vệ an ninh chủ quyền biên giới. Tình trạng mở rộng hệ thống thủy điện đe dọa đến môi trường sống lâu đời của đồng bào các dân tộc, họ buộc phải tái định cư, cấu trúc lại đời sống trên vùng đất mới với các môi trường và điều kiện sản xuất, sinh sống hoàn toàn khác với quê hương, bản quán, không dễ gì thích nghi được trong ngày một, ngày hai...

- Bản sắc văn hóa của nhiều dân tộc đang đứng trước nguy cơ mai một; tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống của các dân tộc đang đứng trước các thách thức mới khi đối diện với các tôn giáo ngoại sinh. Văn hoá của không ít dân tộc thiểu số sẽ bị đồng hoá bởi văn hoá dân tộc khác hoặc pha tạp mất bản sắc, thậm chí có nơi bị tôn giáo hoá phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc đó. Mâu thuẫn, dẫn đến

xung đột nội bộ cộng đồng về tập quán, tín ngưỡng trong một số dân tộc thiểu số ngày càng gia tăng.

- Hiệu lực quản lý của chính quyền ở một số vùng đối với đồng bào dân tộc thiểu số chưa cao; tình hình di cư tự phát vẫn tiếp tục gia tăng; di cư xuyên biên giới diễn biến phức tạp. Hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ ở cơ sở vùng dân tộc thiểu số còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, tổ chức cho nhân dân phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội... trên địa bàn. Tình hình đồng bào dân tộc di cư tự phát vẫn diễn biến phức tạp; làm khó khăn thêm cho các địa phương nơi đi và nơi đến nhập cư. Trong khi đó, chính quyền cơ sở chưa kiểm soát hết và các biện pháp cải thiện tình hình an sinh xã hội cho đồng bào di cư vẫn chưa hoàn toàn phù hợp và có hiệu lực cao. Trong đó, di cư xuyên biên giới cũng rất phức tạp, gồm cả di cư lao động, di cư hôn nhân và di cư truyền giáo.

3.2. Đề xuất một số hướng nghiên cứu về dân tộc và công tác dân tộc trong giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030

Bước vào thời kỳ đổi mới, vấn đề dân tộc và công tác dân tộc không chỉ ở khía cạnh bảo vệ độc lập, thống nhất, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, mà còn là phát triển quốc gia - dân tộc và quản trị phát triển quốc gia - dân tộc. Các nguy cơ đe dọa đến độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ trong điều kiện mới không chỉ phát sinh từ cách thức thực an ninh truyền thống, mà cả thách thức an ninh phi truyền thống có thể dẫn tới xung đột tộc người và chủ nghĩa ly khai. Về vấn đề phát triển tộc người trong điều kiện kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thì lý luận về đoàn kết, bình đẳng, giúp nhau cùng phát triển giữa các tộc người sẽ khác nhiều so với thời kỳ kinh tế kế hoạch hóa và nước ta còn ở trong tình trạng biệt lập.

Từ những phát hiện khoảng trống trong nghiên cứu về dân tộc và công tác từ 1986 đến nay và bối cảnh mới đến năm 2030 đặt ra cho công tác dân tộc, một số vấn đề cơ bản, cấp bách cần nghiên cứu về dân tộc sau đây cần phải được làm sáng rõ: (i) Phát triển tộc người trong sự phát triển quốc gia - dân tộc trong điều kiện kinh tế thị trường; (ii) Vấn đề tộc người trong đảm bảo an ninh quốc gia (độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ); (iii) Vấn đề phát triển tộc người với tổ chức lãnh thổ và phát triển vùng; (iv) Quan hệ tộc người ở nước ta trong điều kiện các tộc người cư trú đan cài, phân tầng xã hội sâu sắc; (v) Vấn đề bình đẳng, đoàn kết, giúp nhau cùng phát triển giữa các tộc người trong điều kiện mới; (vi) Vấn đề dân tộc - tộc người trong điều kiện một đảng cầm quyền, nhà nước pháp quyền, xã hội công dân, định hướng xã hội chủ nghĩa; (vii) Vấn đề dân tộc - tộc người trong toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế; (viii) Vấn đề dân tộc - tộc người trong điều kiện phòng ngừa, ứng phó và thích nghi với biến

đổi khí hậu; (ix) Vấn đề đức tin ở các dân tộc trong điều kiện công nghiệp hóa, đô thị hóa, toàn cầu hóa; (x) Các mối quan hệ lớn trong phát triển tộc người: Tộc danh và nhóm địa phương, công bằng xã hội và bình đẳng tộc người, quyền và nghĩa vụ, ý thức tộc người và ý thức quốc gia - dân tộc, quản trị hành chính - lãnh thổ và tự quản truyền thống, vốn tài chính và phi tài chính cho phát triển tộc người...

Những vấn đề cơ bản, cấp bách về công tác dân tộc cần nghiên cứu làm rõ gồm: (i) Cơ sở khoa học và nội dung, giải pháp tăng cường, củng cố sự lãnh đạo của Đảng đối với mô hình, hệ thống quản lý nhà nước về công tác dân tộc trong điều kiện mới. (ii) Đổi mới nội dung, phương thức công tác dân tộc phù hợp với điều kiện hội nhập quốc tế và cách mạng khoa học công nghệ hiện đại. (iii) Đề xuất mô hình, nội dung, hình thức, phương pháp cụ thể, có tính đặc thù trong xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, cán bộ người dân tộc thiểu số. (iv) Đổi mới cơ chế hoạt động, tăng cường kiểm soát quyền lực và phân cấp, phân quyền quản lý; (v) Đổi mới hệ thống chính trị cấp cơ sở vùng dân tộc thiểu số gắn với yêu cầu dân chủ hóa đời sống xã hội nông thôn, vùng núi, vùng cao. (vi) Xác định đúng đắn và kịp thời định hướng đổi mới về nội dung và phương thức tuyên truyền về hội nhập quốc tế, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

4. KẾT LUẬN

Các nghiên cứu về dân tộc và công tác dân tộc từ 1986 đến nay đã đóng góp luận cứ quan trọng về các quan điểm, nguyên tắc của Đảng trong công tác dân tộc, chiến lược công tác dân tộc, tham mưu với BCH Trung ương khoá IX ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW về công tác dân tộc, Nghị định số 05/NĐ-CP của Chính phủ về công tác dân tộc; Chỉ thị số 28/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc; Chỉ thị số 1971/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới; thể chế, cụ thể hóa các mục tiêu của chiến lược và chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020; một số chỉ thị, chính sách lớn khác của Đảng, Nhà nước đối với các dân tộc, như Mông, Khmer, Hoa, Chăm và các dự án liên quan tới những dân tộc rất ít người,... để đề xuất các chính sách phù hợp với bối cảnh, bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Góp phần rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do các Bộ, ngành, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành có liên quan đến công tác dân tộc; rà soát việc thực hiện chính sách dân tộc ở các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và

ở các địa phương, đề kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành sửa đổi, bổ sung hoàn thiện chính sách pháp luật cho phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu, nhiệm vụ công tác dân tộc của Đảng và Nhà nước. Kết quả nghiên cứu về dân tộc và công tác dân tộc là cơ sở xây dựng đề án phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo đối với ba khu vực (Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ), chính sách hỗ trợ vùng đặc biệt khó khăn; tổ chức quản lý chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc và miền núi.

Bối cảnh đến năm 2030 đặt ra các nghiên cứu nhằm cụ thể hóa các quy định trong Hiến pháp năm 2013 có liên quan đến vấn đề dân tộc, quan hệ dân tộc để bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện các luật; tổng kết Nghị định số 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ về công tác dân tộc làm căn cứ pháp lý trình Luật Hỗ trợ phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi để điều chỉnh các vấn đề liên quan đến dân tộc, quan hệ dân tộc,... Đây mạnh phát triển giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng dân tộc và miền núi; xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, thực hiện tốt đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới (Quyết định số 402/QĐ-TTg, ngày 14-3-2016 của Thủ tướng Chính phủ); tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc. Nâng cao chất lượng hệ thống chính trị, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, bảo đảm ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh trật tự vùng dân tộc và miền núi.

(*) Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học cấp quốc gia: “Hệ thống hóa, đánh giá các nghiên cứu về dân tộc và công tác dân tộc từ năm 1986 đến nay”. Mã số: CTDT.02.16/16-20.

Tài liệu tham khảo

[1] Cơ sở dữ liệu đề tài “Hệ thống hóa, đánh giá các nghiên cứu về dân tộc và công tác dân tộc từ năm 1986 đến nay”, Hà Nội, 2018;

[2] Kỷ yếu hội thảo “Hệ thống, đánh giá các nghiên cứu lý luận về tộc người” thuộc đề tài ‘Hệ thống hóa, đánh giá các nghiên cứu về dân tộc và công tác dân tộc từ năm 1986 đến nay”, Hà Nội, 2016;

[3] Kỷ yếu hội thảo “Hệ thống, đánh giá các nghiên cứu lý luận về công tác dân tộc” thuộc đề tài “Hệ thống hóa, đánh giá các nghiên cứu về dân tộc và công tác dân tộc từ năm 1986 đến nay”, Hà Nội, 2016;

[4] Kỷ yếu hội thảo “Hệ thống, đánh giá các nghiên cứu về dân tộc và công tác dân tộc ở vùng Trung Bộ và Tây Nguyên” thuộc đề tài “Hệ thống hóa, đánh giá các nghiên cứu về dân tộc và công tác dân tộc từ năm 1986 đến nay”, Huế, 2017;

[5] Kỷ yếu hội thảo “Tổng kết, đánh giá các nghiên cứu về dân tộc và công tác dân tộc ở vùng Nam Bộ từ năm 1986 đến nay” thuộc đề tài “Hệ thống hóa, đánh giá các nghiên cứu về dân tộc và công tác dân tộc từ năm 1986 đến nay”, thành phố Hồ Chí Minh, 2017;

[6] Kỷ yếu hội thảo “Tổng kết, đánh giá các nghiên cứu về dân tộc và công tác dân tộc từ 1986 đến nay” thuộc đề tài “Hệ thống hóa, đánh giá các nghiên cứu về dân tộc và công tác dân tộc từ năm 1986 đến nay”, Hà Nội, 2018;

[7] Thuyết minh Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016 – 2020 “Một số vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc ở Việt Nam đến năm 2030”, mã số CTDT/16-20, Hà Nội, 2015.

SYSTEMATIZATION, EVALUATION OF RESEARCHS ON ETHNIC AND ETHNIC MINORITY AFFAIRS FROM 1986 TO TODAY

Tran Trung

Abstract: Systematization and evaluation of researchs on ethnicity and ethnic minority affairs are one of the important research contents to provide scientific arguments orientating for theoretical research task and practical implementation of ethnic minority affairs, ethnic policies in the revolutionary periods. This article summarizes the research results of a national-level scientific Theme “Systematization and evaluation of researchs on ethnic and ethnic minority affairs in Vietnam from 1986 up to now”, code CTDT.02.16/16-20, with the specific contents are the synthesis of research results on ethnic and ethnic minority affairs in Vietnam from 1986 up to now, evaluating the results of the existing researches, thereby detecting gaps in the research to propose the basic urgent issues about ethnic and ethnic minority affairs should be interested in research, development in the coming period, at the same time, we will propose orientations and implementation solutions of ethnic minority affairs for the period 2018-2025 and vision to 2030.

Keywords: Systematization, evaluation; Researchs on ethnicity; Ethnic minority affairs; Research gaps; Implementation solutions of ethnic minority affairs.